

65 NĂM QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

PGS. TS. PHẠM MAI HÙNG

Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công “đã lật đổ nền quân chủ mấy mươi thế kỷ, đã đánh tan xiềng xích thực dân gần 100 năm, đã đưa chính quyền lại cho nhân dân, đã xây nền tảng cho nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc.

Đó là một cuộc thay đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử nước ta¹. “Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập, đã tuyên bố trước thế giới quyền độc lập của Việt Nam và thực hiện những quyền tự do dân chủ ở trong nước². Chưa hưởng trọn niềm hân hoan, vui sướng của những ngày độc lập, nhân dân ta lại phải đương đầu với những khó khăn cực kỳ to lớn: Dưới danh nghĩa quân Đồng minh vào Việt Nam tiếp nhận sự đầu hàng của phát xít Nhật, ở phía Bắc vĩ tuyến 16, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch “tác oai, tác quái” cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ, tung đồng tiền Quan Kim đã mất giá để phá hoại nền kinh tế nước ta vốn đã tiêu điều, càng tiêu điều thêm; ở phía Nam vĩ tuyến 16, hàng vạn quân Anh kéo đến. “Chúng mượn tiếng là lột vũ trang quân Nhật, nhưng sự thật chúng là đội viễn chinh giúp thực dân Pháp mưu cướp lại nước ta³. Hàng vạn quân Nhật còn lại trên đất nước ta cũng tham gia chống lại chính quyền cách mạng. Vậy là nước ta độc lập chưa đầy một tháng, đã phải oằn

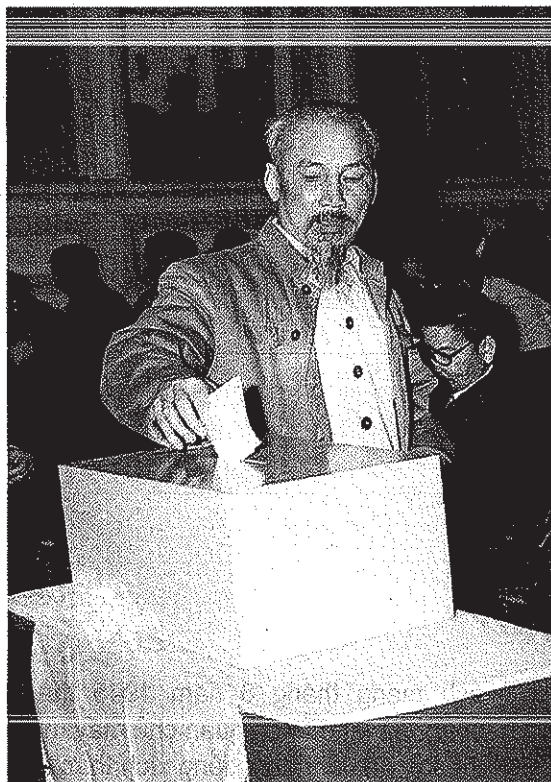
lưng chống trả những hành động chống phá vừa công khai, vừa ngấm ngấm của hơn ba mươi vạn quân Anh, Tưởng, Nhật. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp đã nổ súng ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Lực lượng Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc) do Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam... cầm đầu và Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội (Việt Cách) do Nguyễn Hải Triều cầm đầu, theo chân quân Tưởng kéo về nước chống phá cách mạng. Chúng chiếm một số địa điểm ở Yên Bái, Vĩnh Yên, Móng Cái, quấy nhiễu, phá phách, cướp của, tống tiền, gây rối trật tự trị an. Lợi dụng tình hình trên, bọn phản động trong nước cũng ngóc đầu dậy đòi lật đổ chính quyền... Thêm vào đó, chính quyền cách mạng còn phải tiếp nhận một gia tài đổ nát do chế độ cũ để lại: công nghiệp phá sản, nông nghiệp đình đốn, thương nghiệp tiêu điều, nạn đói cuối năm 1944, đầu năm 1945 đã cướp đi sinh mạng hơn hai triệu đồng bào miền Bắc, vẫn đang đe dọa trầm trọng - hơn 90% dân số mù chữ, các tệ nạn xã hội nặng nề, kinh nghiệm quản lý nhà nước, quản lý chính quyền các cấp chưa có... Thù ngoài, giặc trong, khó khăn chồng chất khó khăn đã làm cho đất nước rơi vào cảnh “ngàn cân treo sợi tóc”. Vận mệnh của tổ quốc, của nền độc lập dân tộc

vừa giành được đang đứng trước nguy cơ một mất một còn.

Trước tình hình nói trên, ngày 3 tháng 9 năm 1945, Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã họp phiên đầu tiên dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tại hội nghị này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày với các Bộ trưởng những nhiệm vụ cấp bách của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Người đã nêu lên một cách xúc tích 6 vấn đề về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đó là những vấn đề cấp bách nhất, thiết thực nhất mà chính quyền cách mạng phải giải quyết trong hoàn cảnh đất nước còn chông chát khó khăn và thiếu thốn do hậu quả của chế độ thực dân và phong kiến; kế hoạch và biện pháp giải quyết các vấn đề đó. Các Bộ trưởng đã thảo luận và đều nhất trí tán thành những vấn đề Người nêu ra. Bài viết này đề cập tới vấn đề thứ ba: Tổng tuyển cử. "Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái 18 tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu, nghèo, tôn giáo, dòng giống..."⁴. Năm ngày sau phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký, ban hành Sắc lệnh số 14-SL ngày 8/9/1945 Về cuộc tổng tuyển cử để bầu Quốc hội; ngày 20/9/1945, Người ký Sắc lệnh số 34-SL Thành lập Ủy ban Dự thảo hiến pháp; ngày 17/10/1945, Người ký Sắc lệnh số 51-SL Quy định thể lệ cuộc tổng tuyển cử phải được tiến hành theo lối phổ thông đầu phiếu, bầu cử trực tiếp và bí mật; ngày 1/12/1945, Người ký Sắc lệnh số 71-SL, số 72-SL Về việc bổ sung thể lệ tổng tuyển cử.

Nói về ý nghĩa của tổng tuyển cử, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức, để gánh vác công việc nước nhà.

Trong cuộc tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử, hễ là công dân thì đều có quyền đi



Bác Hồ bỏ phiếu bầu Quốc hội - Ảnh: C.T.V

bầu cử. Không chia gái trai, giàu nghèo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó.

Vì lẽ đó, cho nên tổng tuyển cử tức là tự do, bình đẳng; tức là dân chủ, đoàn kết.

Do tổng tuyển cử mà toàn dân bầu ra Quốc hội, Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ. Chính phủ đó thật là Chính phủ của toàn dân"⁵. Người kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu. Người viết: "Ngày mai, là một ngày vui sướng của đồng bào ta, vì ngày mai là ngày tổng tuyển cử, vì ngày mai là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình... Ngày mai, tất cả các bạn cử tri, đều phải nhớ đi bầu cử. Ngày mai, mỗi người đều nên vui vẻ hưởng quyền lợi của một người dân độc lập, tự do"⁶. Theo Sắc lệnh số 14-SL hoãn ngày tổng tuyển cử đến ngày 6 tháng 1 năm 1946 và ra hạn nộp đơn ứng cử đến hết ngày 27 tháng 12 năm 1945. Công tác chuẩn bị tổng tuyển cử, các ban bầu cử đã được thành lập tới tận làng xã, khối phố do các ủy ban nhân dân các cấp trực tiếp đảm nhận.

Ngày 3 tháng 1 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trì phiên họp Chính phủ liên hiệp lâm thời để kiểm tra lần cuối cùng công việc chuẩn bị tổng tuyển cử. Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh hài lòng, yên tâm với kết quả của việc chuẩn bị tổng tuyển cử. Do vậy, ngày 5 tháng 1 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu như đã trình bày ở trên. Tổng tuyển cử - ngày hội lớn của toàn dân sau ngày đất nước giành được độc lập đã diễn ra và giành thắng lợi trọn vẹn. “71 tỉnh thành trong cả nước, 89% tổng số cử tri đã đi bỏ phiếu, phổ biến là 80%, nơi nhiều đạt 95%. Trừ một số nơi phải bầu bổ sung, còn tuyệt đại đa số các địa phương chỉ bầu một lần. Cả nước bầu được 333 đại biểu, trong đó có 57% số đại biểu thuộc các đảng phái khác nhau, 43% không đảng phái, 87% số đại biểu là công nhân, nông dân, chiến sĩ cách mạng, 10 đại biểu là phụ nữ và 34 đại biểu là người dân tộc thiểu số. Cuộc tổng tuyển cử đầu tiên ở Việt Nam đã hoàn toàn thắng lợi. Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam ra đời... Thắng lợi tổng tuyển cử đánh dấu bước trưởng thành của nhà nước cách mạng Việt Nam, mở ra triển vọng của thời kỳ mới, thời kỳ nước ta có một Quốc hội, một Chính phủ thống nhất, một bản Hiến pháp tiến bộ và một hệ thống chính quyền hoàn toàn đầy đủ danh nghĩa về mặt pháp lý để đại diện cho nhân dân Việt Nam về đối nội và đối ngoại. Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có tính hợp pháp, dân chủ - nhà nước của dân, do dân, vì dân, được quốc dân giao phó trọng trách điều hành đất nước, tổ chức toàn dân kháng chiến và kiến quốc, giải quyết mọi quan hệ của Việt Nam trên trường quốc tế⁷. Đọc diễn văn khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa I, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, ngày 2 tháng 3 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Cuộc Quốc dân đại biểu (tức Quốc hội - PMH) đại hội này là lần đầu tiên trong lịch sử của nước Việt Nam ta. Nó là kết quả của cuộc tổng tuyển cử ngày 6 tháng 1 năm 1946, mà tổng tuyển cử lại là kết quả của sự hy sinh, tranh đấu của toàn thể đồng bào Việt Nam ta, sự đoàn kết của toàn thể đồng bào không kể già trẻ, lớn bé, gồm tất cả các tôn giáo, tất cả các dân tộc trên bờ cõi

Việt Nam, đoàn kết chặt chẽ thành một khối hy sinh không sợ nguy hiểm tranh lấy nền độc lập cho tổ quốc”⁸.

Thắng lợi của tổng tuyển cử tự nó đã khẳng định niềm tin tuyệt đối của nhân dân ta vào sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh và vào tinh thần yêu nước quả cảm của chính mình. Tổng tuyển cử diễn ra trong điều kiện cách mạng đứng trước những thử thách “ngàn cân treo sợi tóc”, khó khăn chồng chất khó khăn; thù trong, giặc ngoài, khiến cho đất nước lâm vào cảnh lâm nguy. Trong điều kiện như thế, Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn quyết định tổng tuyển cử. Đây là một quyết định dũng cảm, táo bạo, kịp thời, chủ động và nhạy bén. Thật hiếm có một quốc gia nào trên hành tinh của chúng ta, nhân dân tiến hành cách mạng, vừa giành được độc lập, lại đứng trước hàng núi khó khăn, mà bắt tay ngay vào việc tiến hành tổng tuyển cử để pháp lý hóa thắng lợi vừa giành được, pháp lý hóa nhà nước non trẻ của mình. Từ Quốc hội khóa đầu tiên năm 1946 đến nay, Quốc hội của chúng ta đã có tuổi 65 năm. Trong 65 năm đó, do hoàn cảnh đặc biệt của đất nước, nên 12 khóa của Quốc hội có sự dài, ngắn khác nhau. Số đại biểu được bầu vào Quốc hội cũng khác nhau và hoạt động của Quốc hội ngày càng khởi sắc hơn. Trong đó, nhiệm kỳ Quốc hội khóa I kéo dài 14 năm (1946 - 1960), số đại biểu được bầu là 333 người. Trong nhiệm kỳ này, Quốc hội đã tiến hành 12 kỳ họp, đã thông qua và ban hành: *Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa* (thông qua ngày 9 tháng 11 năm 1946) tại kỳ họp thứ hai của Quốc hội. *Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa* được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ mười một, ngày 31 tháng 12 năm 1959; thông qua và ban hành 16 bộ luật và luật. Trong đó đáng chú ý là *Luật lao động*, *Luật cải cách ruộng đất*, *Luật công đoàn*, *Luật quy định thể lệ bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp*, *Luật tổ chức chính quyền địa phương*, *Luật hôn nhân gia đình*, *Luật bầu cử Quốc hội*. Quốc hội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đoàn kết toàn dân chống thù trong giặc ngoài, xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng, chống thực dân Pháp, can thiệp Mỹ đấu tranh để thi

hành Hiệp định Giơnevơ, hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đấu tranh thực hiện thống nhất tổ quốc.

Thời kỳ từ năm 1960 đến 1980, Quốc hội hoạt động theo Hiến pháp năm 1959 và trải qua 5 khóa hoạt động. Quốc hội khóa II (1960- 1964), khóa III (1964 - 1971), khóa IV (1971 - 1975), khóa V (1975 - 1976). Quốc hội khóa V là Quốc hội có thời gian hoạt động ngắn nhất. Sau ngày miền Nam hoàn toàn được giải phóng (30/4/1975), kể từ khóa VI (1976 - 1981) Quốc hội trở thành Quốc hội chung của cả nước Việt Nam thống nhất. Từ năm 1980 đến năm 1992, Quốc hội hoạt động theo Hiến pháp năm 1980, và cả hai khóa: Quốc hội khóa VII (1981 - 1987); Quốc hội khóa VIII (1987 - 1992), xác định Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, những mục tiêu phát triển kinh tế và văn hóa, những quy tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước. Thời kỳ từ năm 1992 tới nay, Quốc hội đã trải qua các khóa IX (1992 - 1997), khóa X (1997 - 2002), khóa XI (2002 - 2007), khóa XII (2007 - 2011).

Bằng những hoạt động thực tiễn phong phú, đa dạng, dân chủ, thẳng thắn, Quốc hội đã có những đóng góp rất hiệu quả để khắc phục những hậu quả khủng hoảng nặng nề về kinh tế, chính trị, xã hội kéo dài ở thời bao cấp, đưa đất nước vượt mọi khó khăn, giành những thành tựu đáng tự hào, tiến vào thời kỳ đổi mới và hội nhập kinh tế thế giới, đảm bảo an ninh xã hội, giữ vững độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia; xây dựng, ban hành cả một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có Hiến pháp năm 1992, các bộ luật, luật để từng bước xây dựng quốc gia pháp quyền, khắc phục từng bước những yếu kém về quy trình soạn thảo, ban hành các sắc luật, trong giám

sát, trong việc hoạch định các chủ trương lớn về kinh tế, văn hóa - xã hội, trong chất vấn những người đứng đầu các cơ quan nhà nước, trong công tác đối ngoại, giảm thiểu dân bệnh hình thức trong các khóa Quốc hội v.v... để từ đó có thể rút ra các kinh nghiệm sau 65 năm hoạt động, trưởng thành của Quốc hội. Những kinh nghiệm đó là: Quốc hội ngày càng thực sự thể hiện là cơ quan kết hợp và hài hòa hình thức dân chủ đại diện và hình thức dân chủ trực tiếp - hiện thân của sức mạnh đoàn kết dân tộc; từ thực tiễn hoạt động của mình, Quốc hội đã thể hiện được hai thuộc tính đặc biệt mà chỉ duy nhất Quốc hội mới có. Đó là: là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân và là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất; mô hình một viện của Quốc hội nước ta đáp ứng yêu cầu sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta; không ngừng đổi mới phương thức hoạt động của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội nên Quốc hội được nhân dân đồng tình ủng hộ. Uy tín, niềm tin với Quốc hội ngày càng được củng cố; coi trọng sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội là nhân tố quyết định để Quốc hội hoàn thành xuất sắc các chức năng, cũng như các nhiệm vụ của mình.

Tháng 5 này, cử tri cả nước ta lại hồ hởi đi bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, bầu đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Chúng ta hy vọng rằng, những đại biểu sẽ được bầu vào Quốc hội khóa XIII (2011 - 2016) sẽ là những đại biểu đủ tâm, đủ tầm, đủ sức để Quốc hội luôn xứng đáng là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước./

D.M.H

Chú thích:

- 1- Hồ Chí Minh - Toàn tập, tập 6 (1950 - 1952), Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2000, tr. 160.
- 2- Sách đã dẫn, tr. 160.
- 3- Sách đã dẫn, tr. 161.
- 4- Hồ Chí Minh - Toàn tập, tập 4 (1945 - 1946), Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2000, tr. 8.
- 5- Sách đã dẫn, tr. 133.
- 6- Sách đã dẫn, tr. 145 - 146.
- 7- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Văn phòng Quốc hội, Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946 - 1960, Nxb. CTQG, H, 1994, tr. 52 - 54.
- 8- Hồ Chí Minh - Toàn tập, tập 4 (1945 - 1946), Nxb. CTQG, H, 2000, tr. 189.